

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 17/2/2022 15:22 17/02

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Giá heo hơi Trung Quốc linh xình đi ngang quanh 12,5 tệ/kg, tương đương 45.000 đồng/kg do các công ty lớn có động thái giảm nhịp bán heo ra thị trường để chờ các đợt mua thịt heo vào kho trữ trong bối cảnh giá heo giảm trong khi giá thức ăn chăn nuôi đầu vào tăng, gây thua lỗ cho các công ty lẫn người chăn nuôi. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo cũng ít biến động khi giao dịch quanh 12,9-13,6 tệ/kg, tương đương 47-49.000 đồng/kg.

- Tại sản Đại Liên, giá heo hơi các kỳ hạn tiếp tục tăng nhẹ vào hôm nay, lên quanh 12,8-15,9 tệ/kg, tương đương 46-57.000 đồng/kg.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

Miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, nguồn cung heo dịch ra thị trường ít hơn nhưng heo dân đẩy bán ra mạnh cùng nhu cầu tiêu thụ chậm do mưa rét và số ca nhiễm Covid 19 tăng cao khiến mặt bằng giá heo điều chỉnh giảm thêm 1.000 đồng/kg vào hôm nay, còn phổ biến 54-56.000 đồng/kg. Mức giá 57.000 đồng/kg vẫn được một số công ty lớn giữ nhưng khó ra hàng.

- Thời tiết tại miền Bắc được dự báo có nắng và nền nhiệt tăng lên kể từ giữa tuần tới và việc học sinh tiểu học đi học trở lại từ đầu tuần cùng lượng heo dịch bán ra thị trường có xu hướng giảm sẽ hỗ trợ mặt bằng giá heo miền Bắc không giảm thêm.

Miền Trung & miền Nam

- Tại **miền Trung và miền Nam**, giá heo tạm thời chưa có điều chỉnh vào hôm nay, giao dịch từ 53-56.000 đồng/kg, cá biệt có giá 57.000 đồng/kg với heo đẹp nhưng với lực đóng heo ra Bắc yếu, tồn kho heo biểu to tăng thì khu vực này cũng sẽ chịu áp lực giảm trong ngắn hạn.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

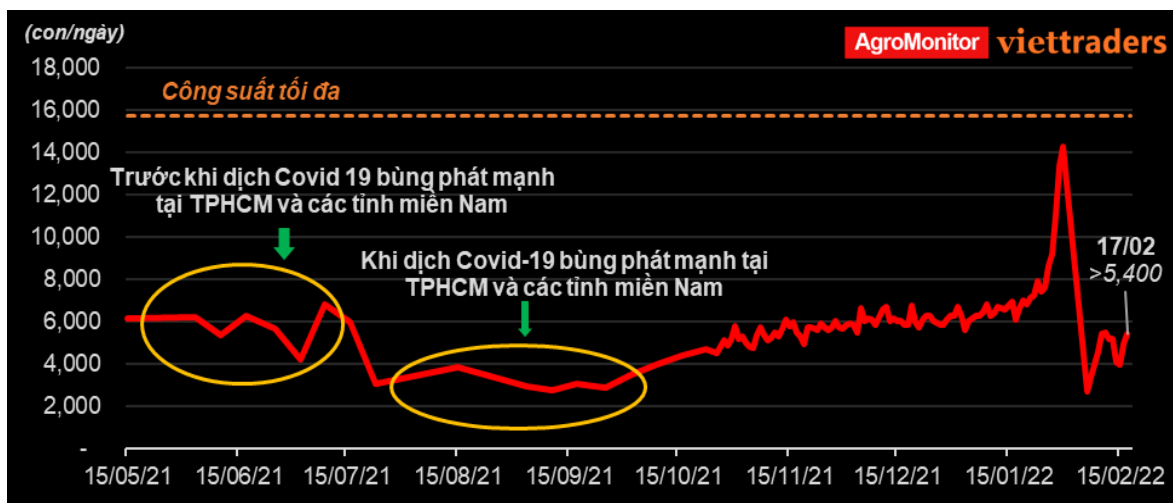
- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt gần 4.000 con do heo dân bán ra mạnh trong bối cảnh dịch heo lẫn dịch người diễn biến phức tạp, cùng 7-8 xe heo từ miền Nam đưa ra với giá lên xe phổ biến 52.000 đồng/kg. Hôm nay lượng heo bán chạy dịch về chợ giảm lại, chỉ còn khoảng 300-400 con. Chợ bán yếu do thời tiết mưa rét khiến lượng khách về chợ ít, với giá hàng đầu giao dịch quanh 58.000 đồng/kg, phổ biến 54.000 đồng/kg.

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt hơn 4.000 con, nhập chợ đạt hơn 3.500 con, tăng 300 con so với hôm qua. Do lượng heo về chợ tăng trong khi tiêu thụ không tăng tương ứng nên chợ bán linh xình

từ đầu phiên và rút còn 49-50.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 64-68.000 đồng/kg.

Lượng Heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 17/2/2022 (con/ngày) 10:18 17/02

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 17/02/2022 (con/ngày)

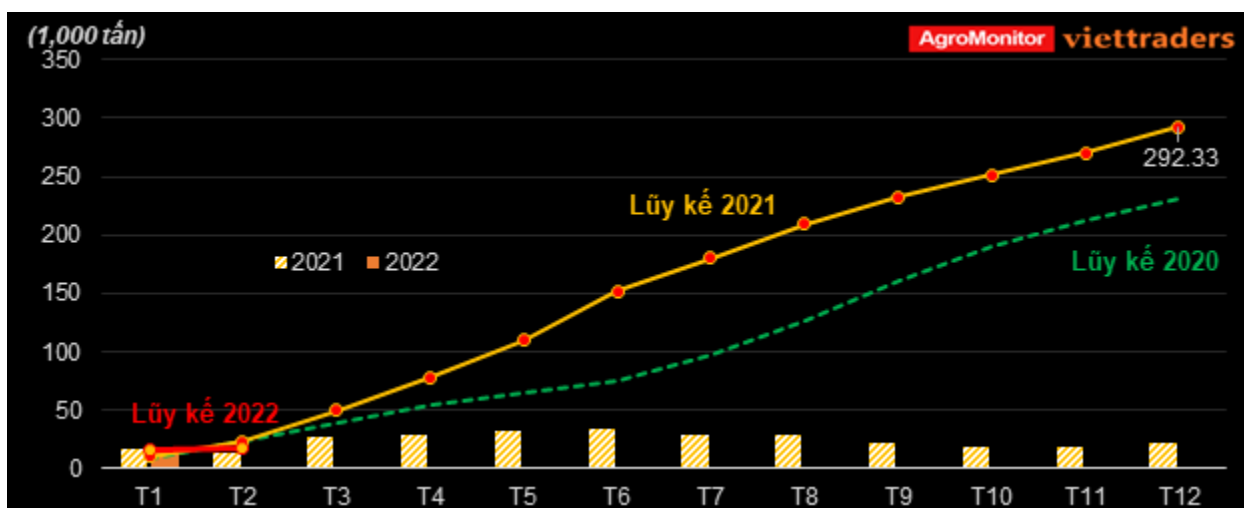


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 8/2/2022 (nghìn tấn) 13:13 12/02

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 08/02/2022

[\(xem chi tiết tại đây\)](#)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và Heo con ngày 17/2/2022 07:53 17/02

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực	17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước
---------	------------	------------	------------

Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		57.000	58.000	59.000
Heo dân	Thái Bình	54,000-56,000	55.000-56.000	56,000-58,000
	Bắc Giang	54,000-56,000	55.000-56.000	55,000-58,000
	Hà Nội	54.000-56.000	54.000-56.000	56,000-58,000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		95.000-100.000	95.000-100.000	95.000-100.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.200.000-1.400.000	1.200.000-1.400.000	1.000.000-1.300.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực	17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước	
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Trung	56.000-58.000	56.000-58.000	57.000-59.000	
Heo dân	Nghệ An	54,000-56,000	54.000-56.000	54.000-57.000
	Bình Định	54.000-55.000	54.000-55.000	54.000-56.000
	Đắk Lắk	52.000-54.000	52.000-54.000	53.000-56.000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Khu vực	17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước	
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	54.000-57.000	54.000-57.000	57.000-58.000
	Miền Tây	54.000-57.000	54.000-57.000	57.000-58.000
Heo dân	Đồng Nai	53.000-56.000	53.000-56.000	54.000-57.000
	Tiền Giang	53.000-55.000	53.000-55.000	53.000-56.000
	Bến Tre	53.000-55.000	53.000-55.000	53.000-56.000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)	75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000	
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 17/2/2022 11:10 17/02

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	27.000-29.000	27.000-29.000	28.000-31.000
	Miền Nam	29.000	29.000	18.000-21.000
Gà trong dân	Miền Bắc			
	Thái Nguyên	27.000-28.000	27.000-29.000	27.500-31.000
	Vĩnh Phúc	27.000-28.000	27.000-29.000	27.500-31.000
	Hà Nội	27.000-29.000	27.000-29.000	27.500-31.000
	Miền Nam			
	Bình Dương	29.000	29.000	19.000-21.000
	Bình Phước	29.000	29.000	19.000-21.000

Gà màu

Bảng 3. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	43.000-44.000	43.000-44.000	37.000-44.000
Gà ta lai CP – miền Trung	41.000	41.000	33.000-41.000
Gà ta lai CP – miền Nam	47.000-48.000	47.000-48.000	46.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-54.000	55.000-56.000	52.000-56.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	45.000-50.000	50.000-54.000	48.000-54.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	53.000-55.000	55.000-60.000	49.000-60.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-52.000	50.000-55.000	49.000-55.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	35.000-36.000	35.000-36.000	38.000-41.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	35.000-38.000	35.000-38.000	36.000-45.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	37.000-38.000	38.000-39.000	38.000-40.000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 17/2/2022 10:01 17/02

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá heo hơi Trung Quốc ít biến động vào hôm nay.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	12,54	▲ 0,08	▼ 18,71	45.100
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	12,93	▲ 0,03	▼ 21,41	46.500
	(DCE) T3/2022	CNY/kg	12,79	▲ 0,14	-	46.000
	(DCE) T5/2022	CNY/kg	14,40	▲ 0,10	-	51.800
	(DCE) T7/2022	CNY/kg	15,86	▲ 0,04	-	57.100
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	90,67	▼ 5,00	▲ 10,67	65.200
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	95,00	— 0,00	▲ 15,00	68.400
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	13.045	▲ 65	-	73.100
Lào	Giao ngay	LAK/kg	32.188	▲ 210	-	64.100
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	57.294	▲ 367	▲ 8.018	91.100
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Cent/lbs	69,80	▲ 5,06	-	35.200
Canada	Giao ngay	Penny/kg	195,21	— 0,00	-	35.300
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,04	▲ 0,01	-	23.900

B. THỊ TRƯỜNG GIA CÀM

Bảng 2. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 ngày	
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	8,10	▼ 0,16	-	29.080

	Gà trắng giống	CNY/con	1,10	▼0,18	-	3.950
	Vịt thịt	CNY/kg	7,78	▲0,06	-	27.930
	Vịt giống	CNY/con	1,15	—0,00	-	4.130
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	40,5	—0,00	-	29.080
	Gà nửa con	Baht/kg	85,0	—0,00	-	61.030
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	12.210
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,20	▲0,07	-	27.470
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,25	▲0,02	-	28.610

Bảng 3. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 ngày	
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	7,60	▼0,02	-	27.280
	DCE) T2/2022	CNY/500kg	3.946	▼16,0	-	28.330
	(DCE) T3/2022	CNY/500kg	4.052	▼24,0	-	29.090
	(DCE) T4/2022	CNY/500kg	4.228	▼20,0	-	30.360
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 trứng	300,0	—0,00	-	2.150
	Trứng số 3	Baht/100 trứng	293,0	—0,00	-	2.100
	Trứng số 4	Baht/100 trứng	276,0	—0,00	-	1.980
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.530

Thị trường Gia súc thế giới ngày 17/2/2022

10:13 17/02/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 17/02/2022	
Thị trường Heo	<p>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân nhích nhẹ lên 12,54 tệ/kg (▲0,08 tệ/kg); - Tại tỉnh Quảng Tây, giá heo đạt 12,93 tệ/kg (▲0,03 tệ/kg); - Giá heo DCE tháng 3/2022 khớp phiên 17/02 đạt 12,79 tệ/kg (▲1,1%); - Giá heo con 7kg đạt 24,11 tệ/kg, tương đương trên 600.000 đồng/con.
	<p>▶ <u>Giá heo Thái Lan</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân giảm xuống 90,67 baht/kg (▼5,00 baht/kg);

<ul style="list-style-type: none"> - Tại miền Trung, giá heo đạt 95 baht/kg; - Giá heo con tuần này giảm thêm 300 baht/con tại tất cả các loại.
<p>▶ <u>Giá heo Mỹ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá giao ngay tăng lên 69,80 cent/pound (▲5,06 cent/pound); - Giá heo nạc CME tháng 4/2022 đạt 105,40 cent/pound (▲1,2%).

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ Tại Trung Quốc

- Giá heo hơi Trung Quốc linh xình đi ngang quanh 12,5 tệ/kg, tương đương 45.000 đồng/kg do các công ty lớn có động thái giảm nhịp bán heo ra thị trường để chờ các đợt mua thịt heo vào kho trữ trong bối cảnh giá heo giảm trong khi giá thức ăn chăn nuôi đầu vào tăng, gây thua lỗ cho các công ty lẫn người chăn nuôi. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo cũng ít biến động khi giao dịch quanh 12,9-13,6 tệ/kg, tương đương 47-49.000 đồng/kg.

- Tại sản Đại Liên, giá heo hơi các kỳ hạn tiếp tục tăng nhẹ vào hôm nay, lên quanh 12,8-15,9 tệ/kg, tương đương 46-57.000 đồng/kg.

▶ Tại Thái Lan

- Giá heo hơi Thái Lan hôm nay điều chỉnh giảm tới 5 baht/kg kéo giá bình quân cả nước giảm xuống quanh 90,7 baht/kg, tương đương 65.000 đồng/kg do: (i) Chi phí chăn nuôi được kỳ vọng giảm bớt sau đề xuất của Hiệp hội TACN Thái Lan nhằm giảm thuế nhập khẩu khô đậu tương và dỡ bỏ các hạn chế với nhập khẩu lúa mì và ngô nhằm hạ nhiệt giá nguyên liệu nội địa; (ii) Giới chức trách Thái Lan có động thái cứng rắn trong việc ký luật các cơ sở kinh doanh tích trữ thịt heo nhằm đẩy giá lên, theo đó giá thịt heo hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với đầu năm.

▶ Tại Mỹ

- Giá heo hơi được đẩy tăng lên tiệm cận 70 cent/pound, tương đương trên 35.000 đồng/kg vào hôm nay do chi phí chăn nuôi có chiều hướng tăng mạnh khi cả hai nhân tố chính tác động tới chi phí chăn nuôi là giá heo giống và giá TACN đều đang ở mức cao, riêng giá heo giống 6kg ghi nhận ở ngày cuối tuần trước đã tăng tới 12% chỉ trong vòng 1 tuần.

DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo hơi Trung Quốc ít biến động vào hôm nay.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	12,54	▲0,08	▼18,71	45.100
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	12,93	▲0,03	▼21,41	46.500
	(DCE) Kỳ hạn T3/2022	CNY/kg	12,79	▲0,14	-	46.000
	(DCE) Kỳ hạn T5/2022	CNY/kg	14,40	▲0,10	-	51.800
	(DCE) Kỳ hạn T7/2022	CNY/kg	15,86	▲0,04	-	57.100
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	90,67	▼5,00	▲10,67	65.200
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	95,00	—0,00	▲15,00	68.400
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	13.045	▲65	-	73.100
Lào	Giao ngay	LAK/kg	32.188	▲210	-	64.100
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	57.294	▲367	▲8.018	91.100
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	69,80	▲5,06	-	35.200
Canada	Giao ngay	Penny/kg	195,21	—0,00	-	35.300
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,04	▲0,01	-	23.900

Giá heo con Trung Quốc có chiều hướng tăng nhẹ do ảnh hưởng lan tỏa từ đà tăng của giá nguyên liệu TACN.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá			Quy đổi VND/con
				1 ngày	1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	24,11	▲0,02	▼0,13	▼84,30	606.200
Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	2.500	—0,00	▼300	▲200	1.780.000
	Biểu 20-25kg	Baht/con	2.900 (+/- 86)	—0,00	▼300	▲200	2.070.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	74,08	—0,00	▲7,69	-	1.691.200
	Biểu 18kg	USD/con	112,10	—0,00	▲7,79	-	2.559.200
EU	Giá bình quân	EUR/con	35,81	—0,00	▲0,29	▼3,80	952.000

Giá heo nạc CME các kỳ hạn bất tăng tốt do lo ngại nguồn cung thắt chặt.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch thân thịt heo tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	19,84	▼0,12	▼1,45	▼1,70	▼25,35	71.300
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	106,52	▼0,20	▲1,68	-	-	53.800
	(CME) Kỳ hạn T4/2022	Uscent/pound	105,40	▲1,25	▲0,63	-	▲19,22	53.200
	(CME) Kỳ hạn T5/2022	Uscent/pound	109,15	▲1,15	▲0,20	-	▲22,97	55.100
	(CME) Kỳ hạn T6/2022	Uscent/pound	114,95	▲1,25	▲0,45	-	▲28,77	58.000
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,59	▲0,02	▲0,12	-	-	36.400
EU	Giao ngay – nhóm S	EUR/100kg	134,48	—0,00	▲0,39	▲0,40	▲0,60	35.800
	Giao ngay – nhóm E	EUR/100kg	129,96	—0,00	▼0,40	▼2,21	▲1,53	34.600
	Giao ngay – nhóm R	EUR/100kg	186,27	—0,00	▲1,34	▼6,91	▲57,85	49.500

(Ghi chú: Thân thịt heo EU nhóm S có độ nạc >60%; nhóm E từ 55-60%; nhóm R từ 45-50%)

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2022

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
04/02/2022	- Romania tiếp tục là điểm nóng dịch tả heo châu Phi khi ghi nhận tới 66 ổ dịch mới chỉ trong vòng 1 tuần từ 28/01-04/02 khiến 118 con heo rừng bị chết, 7416 con heo nhà nhiễm bệnh, trong đó 39 con bị chết và 74 con đã bị tiêu hủy.
01/02/2022 & 08/02/2022	- 31 ổ dịch tả heo châu Phi mới được ghi nhận tại Latvia khiến 42 con heo nhà bị nhiễm bệnh, 12 con bị chết và số heo nhiễm bệnh còn lại đã bị tiêu hủy; - Hungary thông báo 18 ổ dịch tả heo châu Phi mới với heo rừng khiến 29 con bị chết vì nhiễm bệnh.
02/02/2022 &	- Ukraine ghi nhận 2 ổ dịch tả heo châu Phi mới đối với cả heo rừng và heo nhà khiến tổng cộng 4 con bị chết vì bệnh và 93 con khác bị tiêu hủy.

09/02/2022

Sản xuất – Tiêu thụ

▶ Tại Trung Quốc

Wen's, Zhenbang và Cofco đều ghi nhận doanh số bán heo sống tăng mạnh trong tháng 1/2022.

Bảng 5. Lượng heo sống xuất bán của một số doanh nghiệp chăn nuôi lớn tại Trung Quốc trong năm 2022 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 12/2021	Tháng 01/2022	So với tháng trước
1	Muyuan	5.025,0	-	-
2	Zhenbang Tech	805,2	958,7	▲19%
3	New Hope	1.071,6	-	-
4	Wen's	1.227,0	1.506,1	▲23%
5	Cofco	307,0	404,0	▲32%
6	Dabeinong	453,5	-	-
7	Aonong Bio	416,9	380,8	▼9%
8	Tianbang	367,7	-	-
9	Tiankang Bio	147,3	126,9	▼14%
10	Tang Ren Shen	125,2	-	-
11	Jin Xinnong	206,1	70,6	▼66%
12	Luo Niu Shan	38,1	-	-
13	Dawnrays	39,9	-	-
14	Zhenhong Tech	23,2	15,2	▼35%
Tổng		10,253.7		-

▶ Tại Mỹ

Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ trong 3 ngày đầu tuần này đạt tương đương so với 3 ngày đầu tuần trước.

Bảng 6. Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ theo ngày (nghìn con)

Ngày	Dự kiến	Thực tế giết mổ trong ngày	Lũy kế tuần		
			Tuần này	Tuần trước	Cùng kỳ năm trước
14/02/2022	470	470	470	481	405
15/02/2022	478	478	948	953	814
16/02/2022	478	-	1.426	1.425	1.287

PHỤ LỤC

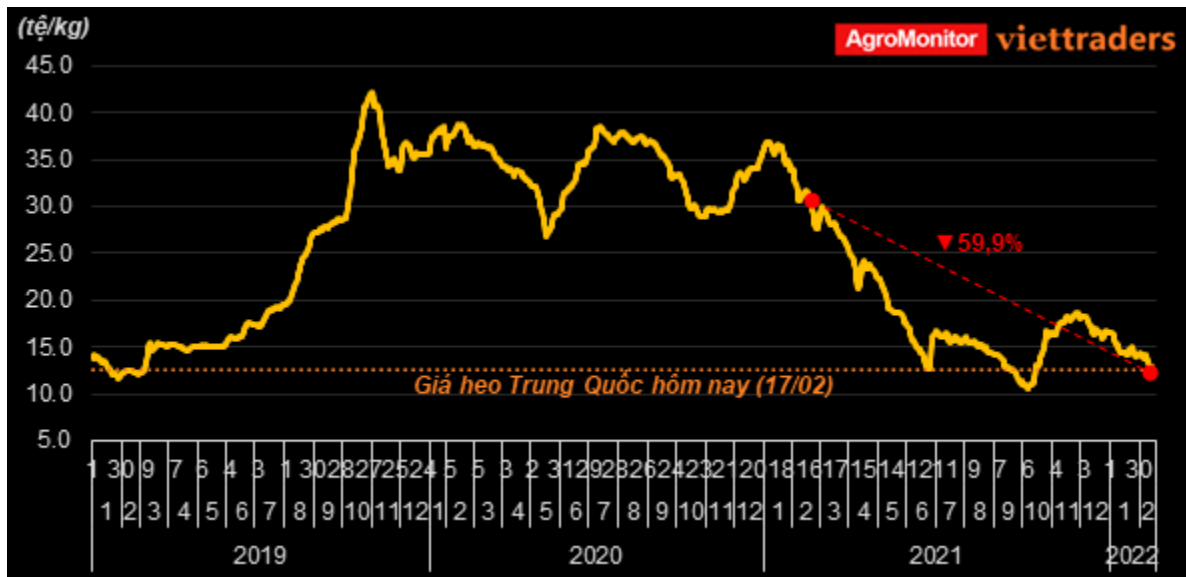
Diễn biến giá

► Trung Quốc

Bảng 7. Bảng giá heo hơi tại một số vùng Trung Quốc ngày 17/02/2022

Khu vực	Tệ/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Quảng Đông	13,59	▲0,03	▼0,86	▼1,95	▼21,17	48,800
Quảng Tây	12,93	▲0,03	▼0,67	▼1,95	▼21,41	46,500
Vân Nam	11,21	▼0,49	▼0,95	▼1,49	▼21,27	40,300
Phúc Kiến	13,35	▲0,22	▼0,70	▼1,98	▼21,39	48,000
Tứ Xuyên	12,74	▲0,14	▼0,86	▼1,23	▼19,57	45,800
Liêu Ninh	11,80	▲0,07	▼0,57	▼1,90	▼17,29	42,400
Hà Bắc	12,33	▲0,07	▼0,82	▼1,95	▼17,14	44,300
Sơn Đông	13,00	▲0,24	▼0,81	▼1,36	▼17,02	46,700
Giá trung bình cả nước	12,54	▲0,08	▼0,80	▼1,78	▼18,71	45,100

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Trung Quốc từ 01/01/2019-17/02/2022 (tệ/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

► **Thái Lan**

Bảng 8. Bảng giá heo hơi tại một số trang trại Thái Lan ngày 16/02/2022

Khu vực	Baht/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Miền Bắc	93,00	▼ 3,00	▼ 3,00	▼ 14,00	▲ 13,00	66.900
Vùng Đông Bắc	90,00	▼ 5,00	▼ 5,00	▼ 16,00	-	64.800
Miền Trung	95,00	— 0,00	— 0,00	▼ 10,00	▲ 15,00	68.400
Miền Đông	94,00	▼ 3,00	▼ 5,50	▼ 16,00	▲ 14,00	67.600
Miền Tây	84,00	▼ 10,00	▼ 10,00	▼ 20,00	▲ 4,00	60.400
Miền Nam	88,00	▼ 9,00	▼ 9,00	▼ 10,00	▲ 8,00	63.300
Giá trung bình cả nước	90,67	▼ 5,00	▼ 5,42	▼ 14,33	▲ 10,67	65.200

Hình 2. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Thái Lan từ 01/01/2021-16/02/2022 (giá quy đổi VND/kg)



Nguồn: AgorMonitor tổng hợp

Sản xuất

▶ Tại Mỹ

Sản lượng thịt heo Mỹ trong tuần kết thúc ngày 12/02 tăng 2,9% so với tuần trước đó.

Bảng 9. Diễn biến hoạt động sản xuất thịt heo tại Mỹ theo tuần

Tuần kết thúc ngày	Trọng lượng heo xuất chuồng (kg/con)	Lượng heo đưa vào giết mổ (nghìn con)	Sản lượng thịt heo (nghìn tấn; %)		
			Lượng (1.000 tấn)	Lũy kế 2022 (1.000 tấn)	2022/2021 (%)
22/01/2022	132,4	2.440	241,0	726,8	▼15,0
29/01/2022	132,9	2.526	250,6	977,4	▼12,2
05/02/2022	133,4	2.445	243,2	1.220,7	▼11,6
12/02/2022	133,4	2.516	242,3	1.470,8	▼10,2

Trong báo cáo mới nhất, Bộ NN Mỹ điều chỉnh giảm 0,5% đối với sản lượng thịt heo năm 2022.

Bảng 10. Cân đối cung cầu thịt heo Mỹ (nghìn tấn)

Năm	Nguồn cung (nghìn tấn)				Nhu cầu (nghìn tấn)		
	Tồn kho đầu kỳ	Sản lượng	Nhập khẩu	Tổng cung	Xuất khẩu	Tiêu thụ nội địa	Tồn kho cuối kỳ
2021							

Ước tính T12/21	212	12.586	526	13.325	3.249	9.856	220
Ước tính T1/22	212	12.568	540	13.320	3.215	9.896	209
Ước tính T2/22	212	12.559	535	13.306	3.189	9.914	204
2022							
Dự báo T12/21	220	12.524	540	13.283	3.359	9.698	227
Dự báo T1/22	209	12.487	590	13.286	3.175	9.902	209
Dự báo T2/22	204	12.426	594	13.224	3.089	9.926	209

Thương mại

Tại Mỹ

Lương thịt heo Mỹ bán mới trong tuần kết thúc 03/02 giảm mạnh thêm so với tuần trước đó

Bảng 11. Diễn biến hoạt động xuất khẩu thịt heo của Mỹ

Tuần kết thúc ngày	Lượng xuất khẩu mới (tấn)	Lượng bán mới (tấn)	Tổng lượng đã bán cho niên vụ 2022 (tấn)			
			Tổng	Bán cho Mexico	Bán cho Trung quốc	Bán cho Việt Nam
13/01/2022	31.031	38.707	278.744	82.921 (▼31%)	24.779 (▼78%)	243 (▼78%)
20/01/2022	30.681	49.054	327.798	100.238 (▼27%)	41.702 (▼66%)	563 (▼64%)
27/01/2022	32.431	30.421	358.219	120.911 (▼19%)	41.221 (▼71%)	711 (▼60%)
03/02/2022	30.390	18.127	376.346	131.418 (▼14%)	42.167 (▼72%)	732 (▼62%)

Ghi chú: Thay đổi tương đối (%) của tổng lượng đã bán cho các thị trường là so sánh với cùng kỳ năm 2021.

B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 12. Tham khảo giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc theo giám sát của Bộ Nông nghiệp, cập nhật tuần bắt đầu ngày 07/02/2022

Loại giá	tệ/kg	Biến động giá		Quy đổi VND/kg	Ghi chú
		1 tuần	1 năm		
<u>Thức ăn chăn nuôi</u>					

Ngô	2,87	—0	▼2,4%	10.400	- Giá ngô bình quân tại ba tỉnh Đông Bắc tại các khu vực sản xuất chính là 2,56 tệ/kg, giảm 0,4% so với tuần trước; - Giá ngô tại tỉnh Quảng Đông, khu vực bán hàng chính , là 3,06 tệ / kg, tăng 0,3% so với tuần trước.
Khô đậu tương	3,93	▲1,6%	▼0,5%	14.200	- Tăng liên tiếp trong 9 tuần, tiệm cận mức cao nhất kể từ 2017.
Cám heo	3,67	▲0,3%	▲1,7%	13.300	- Loại cám hỗn hợp dùng cho heo xuất chuồng
Sản phẩm chăn nuôi					
Thịt heo	25,86	▼1,5%	▼49,9%	93.400	- Mức thấp nhất trong vòng 15 tuần.
Thịt bò	88,93	▼0,4%	▼0,8%	321.300	- Giá thịt bò bình quân tại các tỉnh sản xuất chính như Hà Bắc, Liêu Ninh, Cát Lâm, Sơn Đông và Hà Nam là 78,99 tệ/kg, giảm 0,2% so với tuần trước.
Thịt cừu	85,70	▼0,5%	▼2,7%	309.700	- Giá thịt cừu bình quân tại các tỉnh sản xuất chính như Hà Bắc, Nội Mông, Sơn Đông, Hà Nam và Tân Cương là 79,50 tệ/kg, giảm 0,3% so với tuần trước.
Thịt gà	23,07	▼0,6%	▼2,1%	83.400	
Sữa bò	4,27	▲0,2%	▼0,5%	15.400	- Giá bình quân tại 10 tỉnh sản xuất bò sữa lớn, bao gồm Nội Mông và Hà Bắc.
Trứng gà	10,72	▼1,2%	▲1,9%	38.700	

Ghi chú: * Giá sản phẩm chăn nuôi là giá bán tại các chợ đầu mối

* Giá quy đổi VND/kg ước tính với tỷ giá tại thời điểm thống kê

Bảng 13. Tham khảo giá một số loại nguyên liệu TACN trên thế giới

Loại giá	Kỳ hạn	ĐVT	Giá	So với hôm trước	Diễn biến chính
Ngô					
CBOT - Mỹ	T3/2022	cent/bushel	647,00	▲9,00	Lực mua bắt đáy sau khi giá ngô rơi xuống mức thấp nhất trong 1 tuần cùng đà tăng của giá đậu tương và giá dầu đã hỗ trợ giá ngô CBOT kỳ hạn tháng 3/2022 tăng 1,4% so với phiên trước đó, đạt 647 cent/bushel.
DCE - Trung Quốc	T3/2022	CNY/tấn	2677	▼14	
Lúa mì					

CBOT - Mỹ	T3/2022	cent/bushel	780,40	▲ 0,80	Đóng cửa phiên giao dịch, giá lúa mỳ kỳ hạn tháng 3 trên sàn CBOT đạt 780,4 Uscent/gia, chỉ tăng nhẹ 0,1% so với chốt phiên hôm trước.
FOB - Canada 13,5%	T3/2022	USD/tấn	405,25	▲ 1,25	
<i>Khô đậu tương</i>					
CBOT - Mỹ	T3/2022	USD/tấn ngắn	449,40	▲ 10,60	Giá khô đậu tương CBOT có xu hướng tăng trong phần lớn phiên giao dịch theo đà tăng mạnh của giá đậu tương cùng những lo ngại về triển vọng sản lượng đậu tương tại khu vực Nam Mỹ.
DCE - Trung Quốc	T3/2022	CNY/tấn	3921	▲ 7	

Bảng 14. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 17/02/2022

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,720	▲ 0,76	AUD/VND*	16.638	▲ 1,24
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,195	▲ 0,46	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,788	▲ 0,19	CAD/VND*	18.214	▲ 0,37
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,158	▲ 0,13	CNY/VND	3.593	▲ 0,11
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,138	▲ 0,17	EUR/VND*	26.640	▲ 0,54
GBP (Anh)	GBP/USD	1,358	▲ 0,30	GBP/VND*	31.404	▲ 0,41
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,59	▼ 0,63
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,60	— 0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,031	▲ 0,32	THB/VND*	720	▲ 0,23
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22.900	▲ 0,04

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank
Thị trường Gia cầm thế giới ngày 17/2/2022

08:00 17/02/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM THẾ GIỚI

Thị trường Gia cầm	<p>▶ Trung Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sức mua ở các chợ đầu mối lần ở các chợ truyền thống chậm chạp kéo giá gà tiếp tục giảm, xuống còn quanh mức 8,10 tệ/kg - Giá thức ăn chăn nuôi vẫn biến động ở mức cao khiến người chăn nuôi dè chừng hơn khi vào đàn kéo gà trắng giống giảm tiếp, xuống còn quanh mức 1,10 tệ/con
---------------------------	--

DIỄN BIẾN GIÁ

Tại Trung Quốc

- Mặc dù lượng gà lông còn hạn chế tuy nhiên nhu cầu thu mua của các công ty giết mổ chưa cao, cùng với đó, sức mua ở các chợ đầu mỗi lần ở các chợ truyền thống chậm chạp kéo giá gà tiếp tục giảm, xuống còn quanh mức 8,10 tệ/kg, tương đương 29.100 đồng/kg.

- Có diễn biến tương tự, ảnh hưởng của giá gà thịt liên tiếp giảm trong khi lượng gà giống được đẩy ra thị trường tương đối dồi dào khi các công ty sản giống đi vào hoạt động lại sau kì nghỉ Tết, giá thức ăn chăn nuôi vẫn biến động ở mức cao khiến người chăn nuôi dè chừng hơn khi vào đàn, theo đó gà trắng giống giảm tiếp, xuống còn quanh mức 1,10 tệ/con, tương đương 3.950 đồng/con.

- Mặc dù đàn gà đẻ có chiều hướng tăng tuy nhiên nhìn chung vẫn đang ở mức thấp, lượng trứng đẩy ra thị trường không quá dư thừa tuy nhiên thông thường, giai đoạn tháng đầu năm, tiêu thụ trứng yếu khiến giá trứng vẫn có đà giảm, xuống còn quanh mức 7,60 tệ/kg, tương đương 27.300 đồng/kg.

- Giá vịt thịt duy trì ở mức thấp trong thời gian dài đã tạo trợ lực giúp tiêu thụ vịt cải thiện hơn hỗ trợ giá vịt quay đầu tăng lại, lên quanh mức 7,78 tệ/kg, tương đương 28.000 đồng/kg. Với vịt giống, giá con giống cũng ngưng giảm, đi ngang ngưỡng 1,15 tệ/kg, tương đương 4.100 đồng/con.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước ngày 16/02/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	8,10	▼0,16	-	29.080
	Gà trắng giống	CNY/con	1,10	▼0,18	-	3.950
	Vịt thịt	CNY/kg	7,78	▲0,06	-	27.930
	Vịt giống	CNY/con	1,15	—0,00	-	4.130
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	40,5	—0,00	-	29.080
	Gà nửa con	Baht/kg	85,0	—0,00	-	61.030
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	12.210
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,20	▲0,07	-	27.470
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,25	▲0,02	-	28.610
Mỹ (miền Trung)	Gà sống	Cents/pound	40,0-69,0	—0,00	-	20.210-34.870
	Chân gà	Cents/pound	36,0-55,0	—0,00	-	18.190-27.790
	Đùi gà	Cents/pound	40,0-70,0	—0,00	-	20.210-35.370
	Cánh gà	Cents/pound	240,0-279,0	—0,00	-	121.270-140.980

Bảng 2. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước ngày 16/02/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/1 quả trứng
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	7,60	▼0,02	-	27.280
	(DCE) Kì hạn T3/2022	CNY/500kg	3.946	▼16,0	-	28.330
	(DCE) Kì hạn T4/2022	CNY/500kg	4.052	▼24,0	-	29.090
	(DCE) Kì hạn T5/2022	CNY/500kg	4.228	▼20,0	-	30.360
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	300,0	—0,00	-	2.150
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	293,0	—0,00	-	2.100
	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	276,0	—0,00	-	1.980
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.530

-

Mỹ

Bảng 3. Lượng gà thịt được đưa vào giết mổ tại Mỹ theo tuần (1000 con)

Tuần kết thúc	Số lượng	Thay đổi so với tuần trước (%)
12/02/2022	160741	+2,14
04/02/2022	157379	+1,04
29/01/2022	155763	+0,37
21/01/2022	155192	-4,74
14/01/2022	162912	+2,76

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Trung Quốc

- Biên lợi nhuận của các nhà sản xuất gia cầm lớn giảm vào năm 2021 do giá gà thấp, vốn đầu tư nhiều và giá thức ăn chăn nuôi cao. Bằng cách chấp nhận biên lợi nhuận thấp hơn, các nhà sản xuất lớn đã đẩy các nhà sản xuất nhỏ ra khỏi thị trường một cách hiệu quả. Theo đó, nhu cầu chăn nuôi gà tại Trung Quốc năm 2022 được dự kiến yếu hơn, sản lượng thịt gà của nước này vào năm 2022 dự báo sẽ giảm 3% khiến nhập khẩu trở nên hấp

dẫn hơn. Nhập khẩu thịt gà (trừ chân gà) sang Trung Quốc dự kiến sẽ đạt 800 nghìn tấn vào năm 2022, tăng nhẹ 2 tấn so với năm 2021.

THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 4. Tỷ giá một số đồng tiền chính

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%) so với hôm trước
CNY (Trung Quốc)	CNY/VND	3.590	▲ 0,40
EUR (Châu Âu)	EUR/VND*	26.497	▲ 0,01
KHR (Campuchia)	KHR/VND	5,60	▲ 0,36
THB (Thái Lan)	THB/VND*	718	▲ 0,75
USD (Mỹ)	USD/VND*	22.890	▲ 0,13

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank

Thị trường Gia súc nội địa ngày 17/2/2022

15:37 17/02/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 17/02/2022

THỊ TRƯỜNG HEO	
Giao dịch heo hơi nội địa	
<u>Miền Bắc</u>	Nguồn cung heo dịch ra thị trường ít hơn nhưng heo dân đẩy bán ra mạnh cùng nhu cầu tiêu thụ chậm do mưa rét và số ca nhiễm Covid 19 tăng cao khiến mặt bằng giá heo điều chỉnh giảm thêm 1.000 đồng/kg vào hôm nay, còn phổ biến 54.000-56.000 đồng/kg. Mức giá 57.000 đồng/kg vẫn được một số công ty lớn giữ nhưng khó ra hàng.
<u>Miền Trung & miền Nam</u>	Giá heo tạm thời chưa có điều chỉnh vào hôm nay, giao dịch từ 53.000-56.000 đồng/kg, cá biệt có giá 57.000 đồng/kg với heo đẹp nhưng với lực đóng heo ra Bắc yếu, tồn kho heo biểu to tăng thì khu vực này cũng sẽ <i>chịu áp lực giảm trong ngắn hạn</i> .
Triển vọng: Thời tiết tại miền Bắc được dự báo có nắng và nền nhiệt tăng lên kể từ giữa tuần tới và việc học sinh tiểu học đi học trở lại từ đầu tuần cùng lượng heo dịch bán ra thị trường có xu hướng giảm sẽ hỗ trợ mặt bằng giá heo miền Bắc không giảm thêm.	
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ	

<u>Chợ đầu mối, lò mổ miền Bắc</u>	<p><i>Chợ Ngọc Lũ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lượng heo đưa về đạt đạt gần 4.000 con do heo dân bán ra mạnh, cùng 7-8 xe heo từ miền Nam đưa ra với giá lên xe phổ biến 52.000 đồng/kg - <i>Giao dịch tại chợ:</i> Chợ bán yếu do thời tiết mưa rét khiến lượng khách về chợ ít, với giá hàng đầu giao dịch quanh 58.000 đồng/kg, phổ biến 54.000 đồng/kg
	<p><i>Lò Vạn Phúc:</i> Giá heo móc hàm (gồm cả đầu lòng): 68.000-71.000 đồng/kg</p>
<u>Chợ đầu mối, lò mổ miền Nam</u>	<p><i>Chợ Tân Xuân:</i> Rạng sáng nay, lượng heo nhập lò đạt hơn 4.000 con, nhập chợ đạt hơn 3.500 con, tăng 300 con so với hôm qua. Do lượng heo về chợ tăng trong khi tiêu thụ không tăng tương ứng nên chợ bán linh xình từ đầu phiên và rớt còn 49.000-50.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 64-68.000 đồng/kg.</p> <p><i>Các lò mổ tại HCM:</i> sau khi giảm mạnh về dưới 4,000 con trong ngày rằm thì lượng heo đưa về giết mổ trong 2 ngày gần đây dần tăng trở lại. Theo đó, mức giết mổ hôm nay đạt trên 5.400 con, tương đương với những ngày cuối tuần trước.</p>

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

1. Miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, nguồn cung heo dịch ra thị trường ít hơn nhưng heo dân đẩy bán ra mạnh cùng nhu cầu tiêu thụ chậm do mưa rét và số ca nhiễm Covid 19 tăng cao khiến mặt bằng giá heo điều chỉnh giảm thêm 1.000 đồng/kg vào hôm nay, còn phổ biến 54-56.000 đồng/kg. Mức giá 57.000 đồng/kg vẫn được một số công ty lớn giữ nhưng khó ra hàng.

- Thời tiết tại miền Bắc được dự báo có nắng và nền nhiệt tăng lên kể từ giữa tuần tới và việc học sinh tiểu học đi học trở lại từ đầu tuần cùng lượng heo dịch bán ra thị trường có xu hướng giảm sẽ hỗ trợ mặt bằng giá heo miền Bắc không giảm thêm.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước Tết
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		57,000	58,000	59,000
Heo dân	Thái Bình	54,000-56,000	55,000-56,000	56,000-58,000
	Bắc Giang	54,000-56,000	55,000-56,000	55,000-58,000
	Hà Nội	54,000-56,000	54,000-56,000	56,000-58,000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		95,000-100,000	95,000-100,000	95,000-100,000

Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1,200,000-1,400,000	1,200,000-1,400,000	1,000,000-1,300,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000

2. Miền Trung

- Tại **miền Trung và miền Nam**, giá heo tạm thời chưa có điều chỉnh vào hôm nay, giao dịch từ 53-56.000 đồng/kg, cá biệt có giá 57.000 đồng/kg với heo đẹp nhưng với lực đóng heo ra Bắc yếu, tồn kho heo biểu to tăng thì khu vực này cũng sẽ chịu áp lực giảm trong ngắn hạn.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Trung		56,000-58,000	56,000-58,000	57,000-59,000
Heo dân	Nghệ An	54,000-56,000	54,000-56,000	54,000-57,000
	Bình Định	54,000-55,000	54,000-55,000	54,000-56,000
	Đắc Lắc	52,000-54,000	52,000-54,000	53,000-56,000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	54,000-57,000	54,000-57,000	57,000-58,000
	Miền Tây	54,000-57,000	54,000-57,000	57,000-58,000
Heo dân	Đồng Nai	53,000-56,000	53,000-56,000	54,000-57,000
	Tiền Giang	53,000-55,000	53,000-55,000	53,000-56,000
	Bến Tre	53,000-55,000	53,000-55,000	53,000-56,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt gần 4.000 con do heo dân bán ra mạnh trong bối cảnh dịch heo lẫn dịch người diễn biến phức tạp, cùng 7-8 xe heo từ miền Nam đưa ra với giá lên xe phổ biến 52.000 đồng/kg. Hôm nay lượng heo bán chạy dịch về chợ giảm lại, chỉ còn khoảng 300-400 con. Chợ bán yếu do thời tiết mưa rét khiến lượng khách về chợ ít, với giá hàng đầu giao dịch quanh 58.000 đồng/kg, phổ biến 54.000 đồng/kg.

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt hơn 4.000 con, nhập chợ đạt hơn 3.500 con, tăng 300 con so với hôm qua. Do lượng heo về chợ tăng trong khi tiêu thụ không tăng tương ứng nên chợ bán lẻ hình từ đầu phiên và rút còn 49-50.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 64-68.000 đồng/kg.

Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

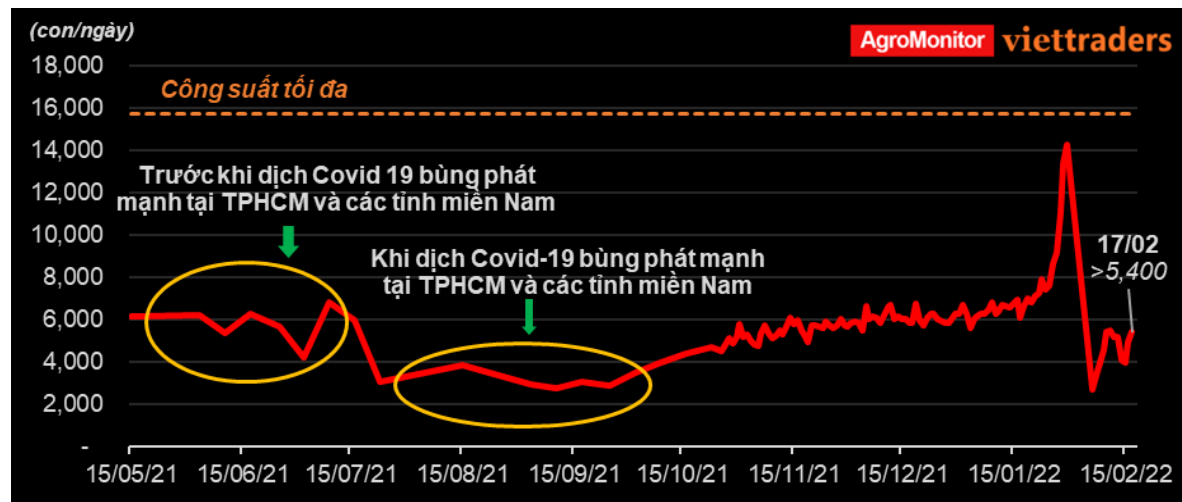
Khu vực	Chợ đầu mối		17/02/2022	16/02/2022
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	~4,000	~3,000
		Giá giao dịch tại chợ phổ biến(đồng/kg)	54,000-58,000	53,000-58,000
Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo nhập chợ (con)	3,544	3,201
		Giá giao dịch (đồng/kg)	49,000-72,000	64,000-77,000

Bảng 5. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại		Khu vực	17/02/2022	16/02/2022
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	77,000-78,500	77,000-78,500
		CP - miền Nam	71,000	71,000
		CJ - miền Nam	70,000	70,000
		Eminvest - miền Nam	71,000	71,000
	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	68,000-71,000	68,000-71,000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	50,000	50,000
	Công ty	CP - miền Nam	37,000	37,000

- Tại các **lò mổ HCM**, sau khi giảm mạnh về dưới 4,000 con trong ngày rằm thì lượng heo đưa về giết mổ trong 2 ngày gần đây dần tăng lại. Theo đó, mức giết mổ hôm nay đạt trên 5.400 con, tương đương với những ngày cuối tuần trước.

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 17/02/2022) (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

III. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 7. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Thời tiết lạnh ẩm kéo dài khiến dịch tả châu Phi vẫn bùng phát/tái bùng phát tại nhiều vùng, gồm cả heo từ trại dân lẫn các công ty.
Miền Trung	- Dịch tả heo châu Phi vẫn nổi tại các địa phương thuộc khu vực Bắc miền Trung, trong khi đó, tại Nam miền Trung, thời tiết đã bước sang mùa khô nên dịch bệnh trên heo có phần êm hơn.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi vẫn lai rai nổi tại nhiều vùng ở cả miền Đông và miền Tây.

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

I. Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	17/02/2022	16/02/2022
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cừu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuột – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuột – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuột – bò ta	222.000	222.000

Bảng 9. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	17/02/2022	16/02/2022
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cừu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuột Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 17/2/2022

12:22 17/02/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 17/02/2022

<u>Gà trắng</u>	Tại miền Bắc: 27.000-29.000 đồng/kg Thời tiết miền Bắc chuẩn bị đón đợt rét hại sâu nhất từ đầu mùa khiến tiêu thụ gà trắng được nhận định suy yếu hơn kéo giá bán có thể tiếp tục giảm nhẹ ngay cả khi nguồn cung không dồi dào.
	Tại miền Nam: 29.000 đồng/kg Biểu gà to xuất chuồng không còn tuy nhiên gà nhỏ 2.6-3 kg/con đổ ra nhiều hơn làm kim hãm lực tăng của giá gà trắng lại.
<u>Lò giết mổ An Nhơn</u>	Lượng gia cầm bình quân đưa vào giết mổ trong tuần thứ 3 của tháng 2 đạt gần 65.000 con/ngày, tăng tốt 30.35% so với tuần trước đó.
<u>Gà màu</u> <u>Dabaco/Minh Đur</u>	Tại miền Bắc: 50.000-55.000 đồng/kg Tại miền Nam: 45.000-52.000 đồng/kg Tiêu thụ gà màu sau ngày rằm tháng Giêng chậm hơn khiến giá gà nuôi trên 4 tháng tại cả 2 miền Bắc Nam đồng loạt giảm
<u>Vịt thịt</u>	Tại miền Bắc: 35.000-36.000 đồng/kg Tiêu thụ vịt thịt không mấy thuận lợi nhưng do cung vẫn lại hỗ trợ giá ổn định
	Tại miền Đông: 35.000-38.000 đồng/kg
	Tại miền Tây: 37.000-38.000 đồng/kg
<u>Giao dịch chợ Hà Vỹ</u>	Lượng gà màu về chợ vào hôm nay: 7.000 con/ngày Giá gà màu Japfa nhập về chợ: 54.000 đồng/kg Giá gà màu Japfa bán ra tại chợ: 60.000-61.000 đồng/kg Do lượng gà về chợ nhiều hơn trong khi tiêu thụ gà màu tương đối yếu khiến giá gà Japfa bán ra tại chợ giảm

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- Tại miền Bắc, lượng gà trong dân xuất ra thị trường không nhiều, giao dịch chủ yếu biểu 3.2-3.5 kg/con với giá 27-28.000 đồng/kg. Thời tiết miền Bắc chuẩn bị đón đợt rét hại sâu nhất từ đầu mùa khiến tiêu thụ gà trắng được nhận định suy yếu hơn kéo giá bán có thể tiếp tục giảm nhẹ ngay cả khi nguồn cung gà trắng không dồi dào.

- Tại miền Nam, giá chững lại quanh mức phổ biến 29.000 đồng/kg. Biểu gà to xuất chuồng không còn tùy nhiên gà nhỏ 2.6-3 kg/con đẻ ra nhiều hơn làm giảm lực tăng của giá gà trắng lại.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

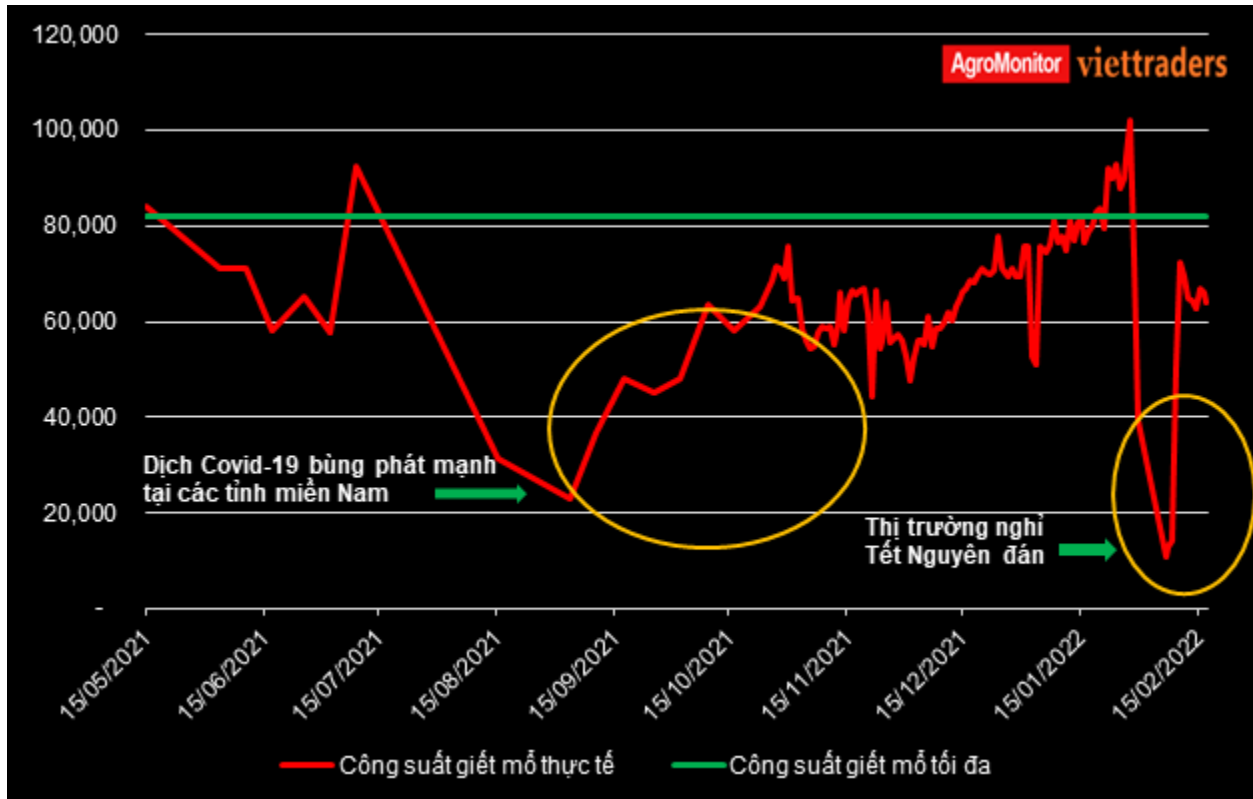
	Khu vực	17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	27.000-29.000	27.000-29.000	28.000-31.000
	Miền Nam	29.000	29.000	18.000-21.000
Gà trong dân	Miền Bắc			
	Thái Nguyên	27.000-28.000	27.000-29.000	27.500-31.000
	Vĩnh Phúc	27.000-28.000	27.000-29.000	27.500-31.000
	Hà Nội	27.000-29.000	27.000-29.000	27.500-31.000
	Miền Nam			
	Bình Dương	29.000	29.000	19.000-21.000
	Bình Phước	29.000	29.000	19.000-21.000

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm bình quân đưa vào giết mổ trong tuần thứ 3 của tháng 2 đạt gần 65.000 con/ngày, tăng tốt 30.35% so với tuần trước đó.

Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong tuần 3 tháng 2 (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	14/02	15/02	16/02	17/02
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	62,682	67,030	65,903	63,908

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



Diễn biến gà trắng giống

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	17/02/2022	16/02/2022
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	8.000-9.000	8.000-9.000
	Ăn cám công ty	7.500-8.000	7.500-8.000
DOC-miền Nam	Bán ngoài	8.000-9.000	8.000-9.000
	Ăn cám công ty	7.500-8.000	7.500-8.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	17/02/2022	16/02/2022
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03($\geq 21.3\text{kg}$)	2100	2100
	Mix04($\geq 20.3\text{kg}$)	2000	2000
	Mix05($\geq 19.3\text{kg}$)	1950	1950
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	1950	1950
	Loại 22.5kg	1850	1850
	Loại 21.5kg	1750	1750
	Loại 20.5kg	1700	1700
	Loại 19.5kg	1650	1650

Gà màu

- Tiêu thụ gà màu sau ngày rằm tháng Giêng chậm hơn khiến giá gà nuôi trên 4 tháng tại cả 2 miền Bắc Nam đồng loạt giảm:

+ Với gà Dabaco, giá bán tại trại giảm còn 50-54.000 đồng/kg tại miền Bắc và 45-50.000 đồng/kg tại miền Nam.

+ Với gà Minh Dư, giá 2 miền Bắc Nam cũng lần lượt giảm về ngưỡng 53-55.000 đồng/kg và 50-52.000 đồng/kg.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	16/02/2022	15/02/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	43.000-44.000	43.000-44.000	37.000-44.000
Gà ta lai CP – miền Trung	41.000	41.000	33.000-41.000
Gà ta lai CP – miền Nam	47.000-48.000	47.000-48.000	46.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-54.000	55.000-56.000	52.000-56.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	45.000-50.000	50.000-54.000	48.000-54.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	53.000-55.000	55.000-60.000	49.000-60.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-52.000	50.000-55.000	49.000-55.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Loại con giống	17/02/2022	16/02/2022
DOC- Dabaco, Hòa Phát	10.000-11.000	10.000-11.000
DOC-Minh Dư	9.000-10.000	9.000-10.000
DOC- Tiến Đạt	10.000-11.000	10.000-11.000
DOC- Lai mía	13.000-13.500	13.000-13.500
DOC- Lai Hồ	13.000-13.500	13.000-13.500

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Loại con giống	17/02/2022	16/02/2022
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-6.000	5.000-6.000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt linh xình đi ngang mức 35-36.000 đồng/kg, tiêu thụ vịt thịt không mấy thuận lợi nhưng do cung vẫn lại hỗ trợ giá ổn định. Với con giống, giá chào từ công ty lớn khá cao, dao động 17-19.000 đồng/con

tuy nhiên giao dịch thực tế chỉ quanh 13-14.000 đồng/con do nhu cầu vào đàn rất thấp. Thời tiết mưa lạnh cộng với giá cám tiếp tục tăng cao làm xói mòn tâm lý tái đàn của người chăn nuôi.

- Tại miền Tây, giá vịt thịt đảo chiều giảm lại phổ biến 37-38.000 đồng/kg, đầu giá 39.000 đồng/kg gần như không bán được do tiêu thụ yếu hơn.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	17/02/2022	16/02/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	35.000-36.000	35.000-36.000	38.000-41.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	35.000-38.000	35.000-38.000	36.000-45.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	37.000-38.000	38.000-39.000	38.000-40.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Loại con giống	17/02/2022	16/02/2022
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	13.000-14.000	13.000-15.000
	DOC- Vịt Grimaud	13.000-14.000	13.000-15.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	5.000-6.000	5.000-6.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	11.000	11.000
	DOC- Vịt Cherry	17.000	17.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng đổ về chợ hôm nay tăng mạnh, đạt khoảng 2000 con tuy nhiên chợ bán chậm do sau Rằm, tiêu thụ gà không như kì vọng cùng với thời tiết xấu khiến khách tới chợ ít. Giá gà nhập về chợ (mua xô) tiếp tục giảm, xuống phổ biến ngưỡng 33.000 đồng/kg, theo đó giá bán ra cũng hạ xuống 33-37.000 đồng/kg, tùy gà trống hay gà mái.

- Với giao dịch gà màu, lượng gà về chợ tăng lên 7.000 vào hôm nay. Do lượng gà về chợ nhiều hơn trong khi tiêu thụ gà màu tương đối chậm khiến giá gà Japfa bán ra tại chợ giảm còn 60-61.000 đồng/kg.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	17/02/2022	16/02/2022
Gà trắng	Mua vào	33.000	34.000
	Bán ra	33.000-37.000	34.000-38.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	56.000-57.000	56.000-57.000
	Bán ra	60.000-63.000	60.000-63.000
Gà Japfa	Mua vào	54.000	56.000
	Bán ra	60.000-61.000	64.000-65.000